

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày: 21-8-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Dũng
- Ông Phạm Hồng Tận

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Bửu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 120/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ 06, ấp V B, xã V H, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị U (H), sinh năm 1971 và ông Trần Văn H, sinh năm 1958; Cùng cư trú: Tổ 07, ấp H T, xã T T, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do chỗ quen biết ở cùng địa phương, bà có cho ông Trần Văn H và bà Phạm Thị U vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay đều có làm biên nhận, mục đích vay là để làm vốn chăn nuôi heo, thỏa Tận lãi suất vay là 2.000đồng/1.000.000 đồng/ngày, không có thỏa Tận thời hạn vay. Đến cuối năm 2013, bà với chồng bà U, ông H kết sỏ lại với nhau và vợ chồng bà U còn nợ bà số tiền 50.000.000 đồng, sau đó bà U có trả được số tiền 5.000.000 đồng. Khi vay, vợ chồng ông H, bà U có giao cho bà cầm giữ tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông

Trần Văn H (bản chính) để làm niềm tin, hiện nay bà vẫn còn cầm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài ra bà không còn giữ tài sản gì khác của vợ chồng bà U, ông H.

Sau khi vay, vợ chồng bà U, ông H có thực hiện việc trả lãi cho bà nhưng không đầy đủ như thỏa Tân, khi trả lãi cũng không có lập biên nhận. Vào tháng 12/2023, bà có yêu cầu Ban nhân dân ấp Hòa Tân, xã Tân Thạnh giải quyết để đòi lại số tiền đã cho vợ chồng ông H, bà U vay. Ông H, bà U có hứa hẹn trả cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không thực hiện.

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn H, bà Phạm Thị U (H) có trách nhiệm trả một lần cho với số tiền còn nợ là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ khi Tòa án xét xử cho đến khi vợ chồng ông H, bà U trả dứt nợ. Ngoài ra bà không còn có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn bà Phạm Thị U và ông Trần Văn H cùng trình bày:

Bà Phạm Thị U và ông Trần Văn H có vay tiền của bà Nguyễn Thị T nhiều lần, lần đầu vay số tiền 10.000.000 đồng vào năm 2011, các lần vay sau đều có lập biên nhận nhưng không nhớ cụ thể thời gian vay, không có thỏa Tân thời hạn vay nhưng có thỏa Tân lãi suất vay là 2.000đồng/1.000.000 đồng/ngày. Khi vay, ông bà có giao cho bà T cầm giữ tài sản là bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H đứng tên để làm niềm tin, hiện nay bà T vẫn còn cầm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03454 QSDĐ/kD do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu (nay là UBND thị xã Tân Châu) cấp ngày 19/8/2002.

Ông bà thừa nhận có vay và còn nợ bà T số tiền 45.000.000 đồng. Hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, không có khả năng trả một lần nên xin hẹn trả mỗi tháng là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng cho đến khi dứt nợ, về tiền lãi hai bên đã thanh toán với nhau, ông bà không yêu cầu Tòa án điều chỉnh. Đồng thời ông bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03454 QSDĐ/kD do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu (nay là UBND thị xã Tân Châu) cấp ngày 19/8/2002 cho ông H đứng tên.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Ngoài các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp, các đương sự không cung cấp, giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình T thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự... đều thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và yêu cầu của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn,

buộc bà Phạm Thị U và ông Trần Văn H cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 45.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm giao trả lại cho ông H, bà U bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03454 QSDĐ/kD do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu (nay là UBND thị xã Tân Châu) cấp ngày 19/8/2002 cho ông H đứng tên. Bà Phạm Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, ông Trần Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị U và ông Trần Văn H cùng có trách nhiệm trả tiền vay, bị đơn cư trú tại: ấp H T, xã T T, thị xã T C, tỉnh A G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà có cho vợ chồng bà Phạm Thị U, ông Trần Văn H vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay có lập biên nhận, mục đích làm vốn chăn nuôi heo, hai bên thỏa Tân lãi suất mỗi ngày là 2.000đồng/1.000.000đồng, không có thỏa thuận thời hạn vay. Đến năm 2013, hai bên kết sổ lại và vợ chồng bà U, ông H còn nợ bà T số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng, sau đó có trả được 5.000.000 đồng, còn nợ số tiền 45.000.000 đồng. Bà Phạm Thị U, ông Trần Văn H thừa nhận có vay và hiện nay còn nợ số tiền như bà T trình bày, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận, xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, cụ thể *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa Tân giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chi phải trả lãi nếu có thỏa Tân hoặc pháp luật có quy định”*.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Vào tháng 12/2023, bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng bà U, ông H trả lại số tiền đã vay, bà U và ông H có hẹn trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng không thực hiện đúng và trách nhiệm của bên vay, vi phạm nghĩa vụ đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà U, ông H có trách nhiệm trả một lần số tiền 45.000.000 đồng và tiền lãi tính từ thời điểm Tòa án xét xử cho đến khi bà U, ông H trả dứt nợ là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*.

[2.4] Xét lời trình bày của bị đơn: Tại phiên tòa, bà Phạm Thị U, ông Trần Văn H thừa nhận có vay và còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 45.000.000 đồng, về tiền lãi hai bên đã thỏa Tân thanh toán cho nhau, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà U, ông H cho rằng hiện nay đang gặp khó khăn về kinh tế, không có khả năng thanh toán một lần nên hẹn trả cho bà T mỗi tháng là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị U, ông Trần Văn H: Các đương sự cùng thừa nhận khi xác lập vay tài sản, bị đơn có giao cho nguyên đơn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm niềm tin, nguyên đơn sẽ giao trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn khi thanh toán dứt nợ. Xét thấy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03454 QSDĐ/kD do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu (nay là UBND thị xã Tân Châu) cấp ngày 19/8/2002 cho ông Trần Văn H đứng tên là chứng thư pháp lý thể hiện quyền sử dụng 175,3m² (trong đó: đất ở 160,5m², đất nằm trong hành lang lộ giới 14,8m²) thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Tân Hòa A, xã Tân An, huyện Tân Châu (nay là ấp Hòa Tân, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang. Bà T chỉ đồng ý giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03454 QSDĐ/kD do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu (nay là UBND thị xã Tân Châu) cấp ngày 19/8/2002 cho vợ chồng ông H, bà U khi thanh toán dứt nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên thừa nhận có thỏa thuận giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích làm niềm tin đối với số tiền bị đơn đã vay của nguyên đơn. Mặt khác, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có công chứng, chứng thực và cũng không có thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên không được dùng là tài sản đảm bảo thi hành án. Ngoài ra, Hội đồng xét xử cũng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích tại [2.3]. Do đó, để bảo vệ quyền sở hữu về tài sản và giải quyết triệt để vụ án, xét cần buộc bà Nguyễn Thị T giao trả lại cho ông Trần Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ chấp nhận theo Điều 164 và khoản 1 Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, buộc bà Phạm Thị U và ông Trần Văn H cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 45.000.000 (*bốn mươi lăm triệu đồng*) đồng là có căn cứ chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị T giao trả lại cho ông Trần Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03454 QSDĐ/kD do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu (nay là UBND thị xã Tân Châu) cấp ngày 19/8/2002 cho ông Trần Văn H đứng tên là phù hợp và có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Trần Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 164, Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Phạm Thị U, ông Trần Văn H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 45.000.000 (*bốn mươi lăm triệu đồng*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Trần Văn H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03454 QSDĐ/kD do Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu (nay là UBND thị xã Tân Châu) cấp ngày 19/8/2002 cho ông Trần Văn H đứng tên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị U phải chịu 562.500 đồng (*năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.125.000 đồng (*một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) theo biên lai T số 0007748 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

Phạm Minh Sang